TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2026/QĐST-VHNGĐ	*Ninh Bình, ngày 06 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - NINH BÌNH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 04/2026/TLST-VHNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Thị H, sinh ngày 17-02-1995, số căn cước công dân: 038195010300; nơi thường trú và cư trú: Số C N, phường N, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Cao Việt T, sinh ngày 05-12-1993, số căn cước công dân: 036093010280; nơi thường trú và cư trú: Số C N, phường N, tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Cao Việt T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25-6-2021 tại UBND phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là UBND phường N, tỉnh Ninh Bình) nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hoà hợp về tính cách nên thường xuyên xảy ra va chạm. Anh chị cũng đã có thời gian khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Chị H và anh T đều có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Cao Việt T có 01 con chung là Cao Bảo Q, sinh ngày 17-11-2021, giới tính Nữ. Khi ly hôn, chị H và anh T thống nhất giao cháu Cao Bảo Q cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Cao Việt T cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/ tháng, kể từ tháng 5/2026 cho đến khi cháu Cao Bảo Q đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự lập.

Việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị H và anh Cao Việt T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị H và anh Cao Việt T xác nhận không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị H tự nguyện nộp toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Cao Việt T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Cao Bảo Q, sinh ngày 17-11-2021, giới tính Nữ, số định danh cá nhân: 036321013802.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Cao Việt T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/ tháng, kể từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung Cao Bảo Q đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự lập.

Anh Cao Việt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày chị Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng chị Lê Thị H còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị H và anh Cao Việt T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị H và anh Cao Việt T không có nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị H và anh Cao Việt T thỏa thuận chị Lê Thị H là người nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị Lê Thị H đã nộp tại biên lai số 3088 ngày 17-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Lê Thị H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Lê Thị H và anh Cao Việt T có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình; (ĐKKH số 20 ngày 25-6-2021)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Mạnh Hà